CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.3%	**0%**	**-4.8%**

ROE 2023: **-0.1%** | +/- YoY ▲ 1.8%

DT thuần *Q1/24*: **140** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 189 ▼ 57.4% | YoY ▲ 63.6 ▲ 83.4%

DT thuần *2023*: **703** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 258 ▲ 58.0%

LN gộp *Q1/24*: **22.1** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 14.0 ▼ 38.8% | YoY ▲ 7.40 ▲ 50.3%

LN gộp *2023*: **120** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 15.0 ▼ 10.6%

LN thuần *Q1/24*: **1.88** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 3.83 ▼ 67.1% | YoY ▲ 14.9 ▲ 114%

LN thuần *2023*: **-1.57** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 5.90 ▼ 136%

LN sau thuế *Q1/24*: **1.40** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 6.05 ▼ 81.2% | YoY ▲ 11.3 ▲ 114%

LN sau thuế *2023*: **-4.98** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 10.6 ▲ 68.2%

Kết quả kinh doanh

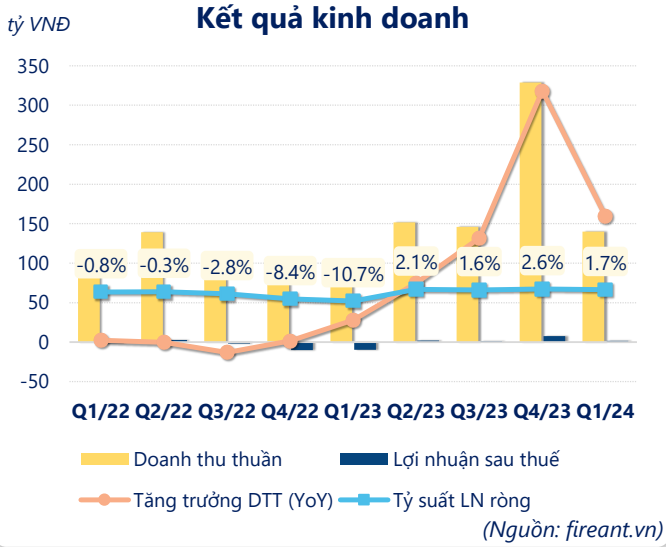

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

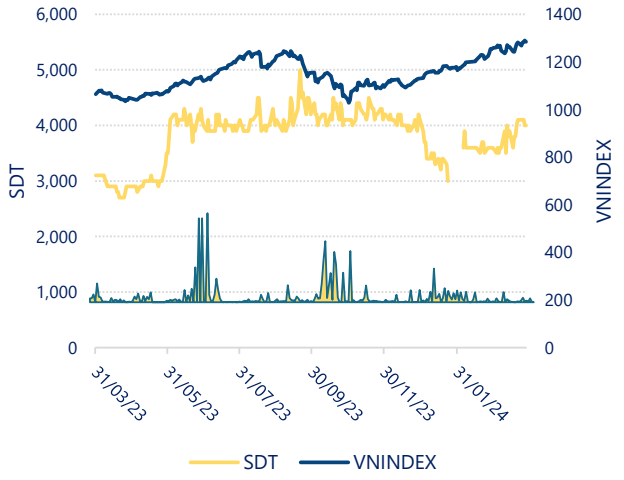

CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)

Tăng trưởng lợi nhuận

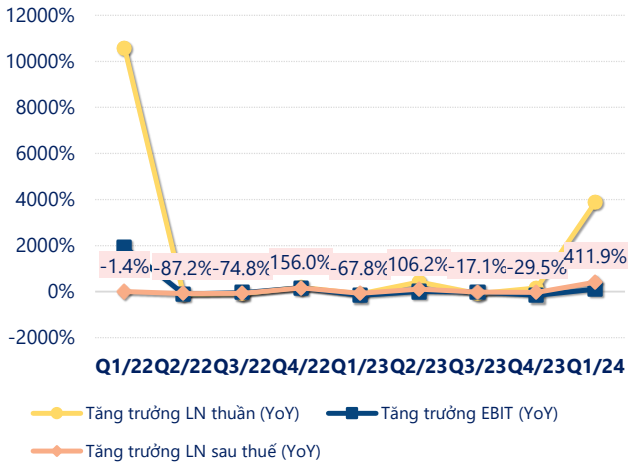

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

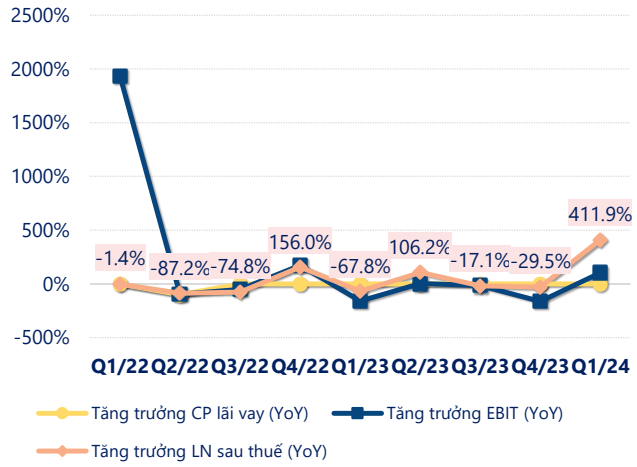

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

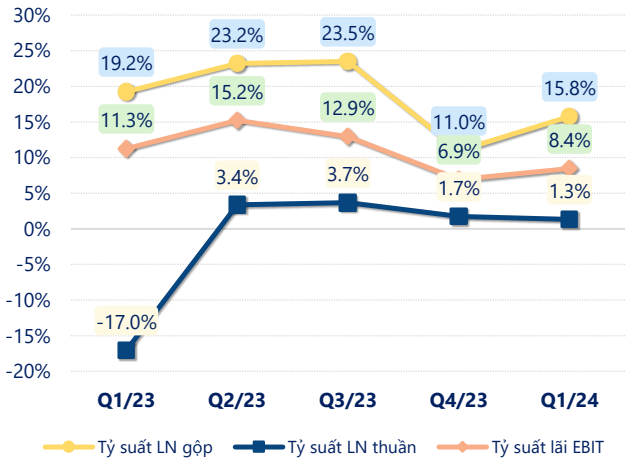

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

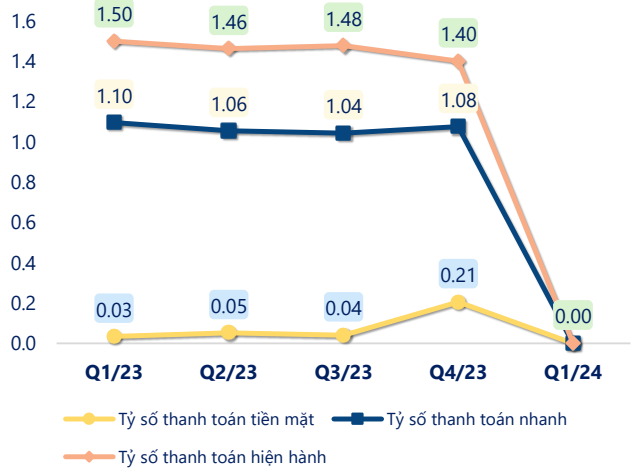

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

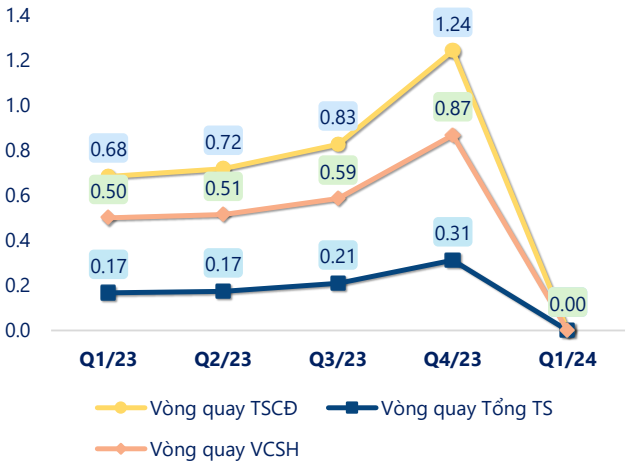

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

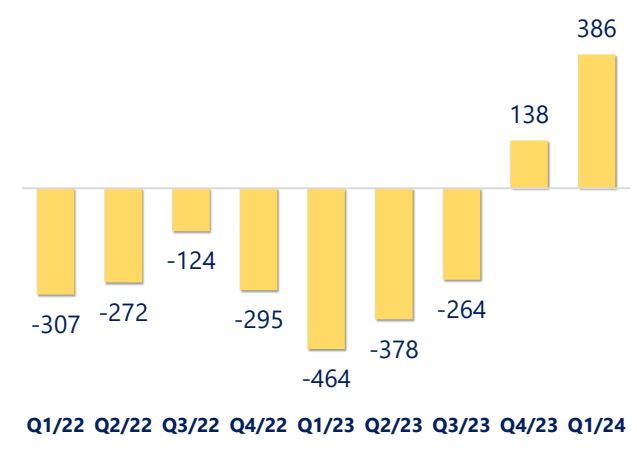

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**140**	**76.4**	**83.4%**	**703**	**445**	**58.0%**
Giá vốn hàng bán	118	61.7	91.3%	582	310	87.7%
Lợi nhuận gộp	22.1	14.7	50.3%	120	135	-10.6%
Doanh thu HĐTC	0.34	0.87	-60.8%	3.49	3.86	-9.8%
Chi phí TC	9.83	18.4	-46.6%	71.7	88.2	-18.8%
Chi phí lãi vay	9.50	18.3	-48.1%	69.9	87.9	-20.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**10.7**	**10.2**	**5.2%**	**53.7**	**45.8**	**17.2%**
LN thuần từ HĐKD	1.88	-13.0	114%	-1.57	4.33	-136%
Lợi nhuận khác	**0.46**	**3.31**	**-86.0%**	**4.78**	**-6.60**	**172%**
LN trước thuế	2.34	-9.70	124%	3.21	-2.27	242%
Lợi nhuận sau thuế	**1.40**	**-9.88**	**114%**	**-4.98**	**-15.6**	**68.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.40**	**-8.20**	**129%**	**-1.07**	**-15.8**	**93.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

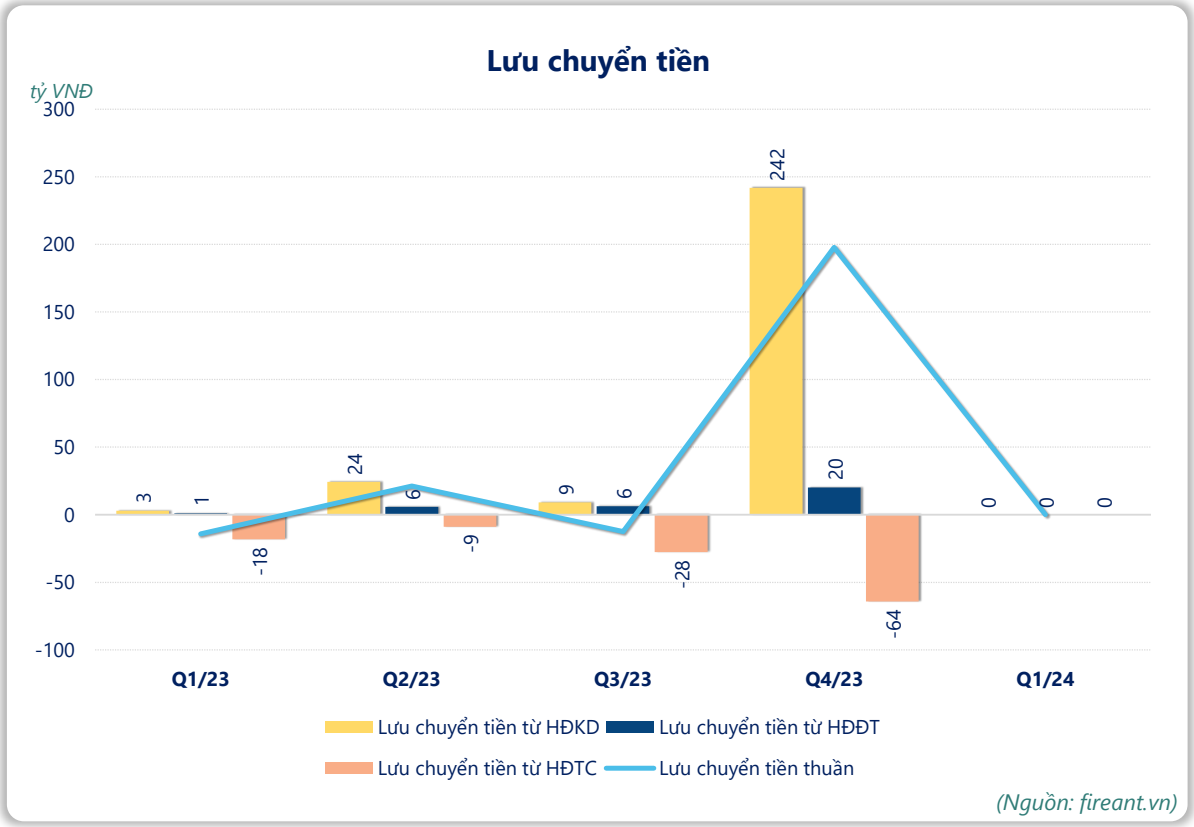

(Nguồn: fireant.vn)